3. Chuyển động

I/ Định nghĩa:

- Chuyển động đều là chuyển động mà vận tốc có độ lớn không thay đổi theo thời gian.

- Chuyển động không đều là chuyển động mà vận tốc có độ lớn thay đổi theo thời gian.

C1: Chuyển động của trục bánh xe trên máng nghiêng là chuyển động không đều.

Chuyển động của trục bánh xe trên quãng đường còn lại là chuyển động đều.

C2:

a: là chuyển động đều b,c,d: là chuyển động không đều.

Hoạt động 2: Xác định Công thức tính vận tốc trung bình của chuyên động không đều. (10 phút)

1. Mục tiêu: - Biết được công thức tính của vận tốc trung bình của chuyển động không đều.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, nhóm: nghiên cứu tài liệu.

- Hoạt động chung cả lớp.

3. Sản phẩm hoạt động: rút ra kết luận.

- Phiếu học tập cá nhân:

- Phiếu học tập của nhóm: trả lời câu C3.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

\*Chuyển giao nhiệm vụ:

- Giáo viên yêu cầu:

+ Nghiên cứu SGK, yêu cầu viết công thức tính vận tốc trung bình.

+ Yêu cầu HS trả lời C3?

- Học sinh tiếp nhận:

\*Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh: Đọc, nghe, theo dõi SGK để trả lời câu hỏi C3.

- Giáo viên:

Theo dõi, hướng dẫn, uốn nắn khi HS gặp vướng mắc.

- Dự kiến sản phẩm: (Cột nội dung)

\*Báo cáo kết quả: (Cột nội dung).

\*Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng:

II/ Vận tốc trung bình của chuyển động không đều:

C3:

vAB = sAB/tAB = 0,017 m/s

vBC = sBC/tBC = 0,05 m/s

vCD = sCD/tCD = 0,08m/s

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15 phút)

1. Mục tiêu: Hệ thống hóa KT và làm một số BT.

- Biết vận dụng công thức tính vận tốc để tính: vận tốc, quãng đường và thời gian chuyển động khi biết các đại lượng còn lại.

2. Phương thức thực hiện:

- Hoạt động cá nhân, cặp đôi: Nghiên cứu tài liệu: C5 - C7/SGK.

- Hoạt động chung cả lớp.

3. Sản phẩm hoạt động:

- Phiếu học tập cá nhân: Trả lời C5 - C7/SGK và các yêu cầu của GV.

- Phiếu học tập của nhóm:

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

\*Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:

- Giáo viên yêu cầu:

+ GV gọi 2 HS đọc ghi nhớ.

+ Cho HS thảo luận và thực hiện theo yêu cầu C5, 6, 7 vào phiếu nhóm.

- Học sinh tiếp nhận: Nghiên cứu nội dung bài học để trả lời.

\*Học sinh thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh: Thảo luận cặp đôi Nghiên cứu C5 - C7 và ND bài học để trả lời.

- Giáo viên: Điều khiển lớp thảo luận theo cặp đôi.

- Dự kiến sản phẩm: (Cột nội dung)

\*Báo cáo kết quả: (Cột nội dung)

\*Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng: III - Vận dụng

\*Ghi nhớ/SGK.

C4: Là CĐ không đều vì ô tô chuyển động lúc nhanh, lúc chậm.

50km/h là vận tốc trung bình.

C5: Tóm tắt:

s1 = 120m, t1 = 30s

s2 = 60m, t2= 24s

vtb1 =?;vtb2 =?;vtb=?

Giải:

v tb1 = s1/t1 = 120/30 = 4 m/s

vtb2 = s2/t2 = 60/24 = 2,5 m/s

,3 (m/s) = 3,3(m/s)

C6: s = v.t = 30 .5 = 150 km.

D-E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG – TÌM TÒI, MỞ RỘNG (5 phút)

1. Mục tiêu:

HS vận dụng các kiến thức vừa học tính toán, giải thích, tìm hiểu các hiện tượng trong thực tế cuộc sống, tự tìm hiểu ở ngoài lớp. Yêu thích môn học hơn.

2. Phương pháp thực hiện:

Nêu vấn đề, vấn đáp – gợi mở.

Hình thức: hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm.

3. Sản phẩm hoạt động:

HS hoàn thành các nhiệm vụ GV giao vào tiết học sau.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

5. Tiến trình hoạt động:

\*Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:

- Giáo viên yêu cầu:

+ Đọc mục có thể em chưa biết.

+ Về nhà làm các BT trong SBT: từ bài 3.1 -> 3.10/SBT.

+ Xem trước bài 4: biểu diễn lực.

- Học sinh tiếp nhận: Nghiên cứu nội dung bài học để trả lời.

\*Học sinh thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh: Tìm hiểu trên Internet, tài liệu sách báo, hỏi ý kiến phụ huynh, người lớn hoặc tự nghiên cứu ND bài học để trả lời.

- Giáo viên: gợi ý một số bài tập dạng nâng cao.

- Dự kiến sản phẩm:

\*Báo cáo kết quả: Trong vở BT.

\*Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá khi kiểm tra vở BT hoặc KT miệng vào tiết học sau..